

DOI: <https://doi.org/10.59294/HIUJS.KHHT.2024.042>

ĐỐI CHIẾU THỦ PHÁP CƯỜNG ĐIỀU TRONG TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

Phạm Thị Khải Hoàn*
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Ngôn ngữ được tạo ra không chỉ đơn thuần để diễn đạt suy nghĩ, cảm xúc mà nó còn là một nghệ thuật. Nhân loại đã sử dụng rất nhiều biện pháp tu từ từ thế hệ này sang thế hệ khác nhằm truyền tải thông điệp của mình một cách hiệu quả. Một trong những biện pháp tu từ thú vị nhất nhưng cũng thường bị bỏ qua nhất là thủ pháp cường điệu. Hiện tượng này xảy ra trong nhiều thể loại ngôn ngữ như thơ tình yêu, anh hùng ca, truyện phóng đại, thần thoại cổ điển, v.v... và đặc biệt là trong ngôn ngữ đời thường. Bài viết này nhằm mục đích so sánh đối chiếu về thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt, từ đó đưa ra một số gợi ý hữu ích cho việc dạy và học ngôn ngữ. Kết quả cho thấy thủ pháp cường điệu được sử dụng rộng rãi trong cả hai ngôn ngữ nhằm tạo nên hiệu ứng đặc biệt cho lời nói. Thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt có sự tương đồng về cách hình thành, cấp độ sử dụng và mục đích sử dụng. Sự khác biệt lớn nhất giữa cường điệu trong hai ngôn ngữ là về các hình ảnh được sử dụng và đặc biệt là ứng dụng của cường điệu trong ca dao Việt Nam, một thể loại văn học dân gian không có trong tiếng Anh.

Từ khóa: thủ pháp cường điệu, ngôn ngữ, so sánh đối chiếu, tiếng Anh, tiếng Việt

HYPERBOLE IN ENGLISH AND VIETNAMESE – A CONTRASTIVE ANALYSIS

Pham Thi Khai Hoan

ABSTRACT

Language is created not only to simply express thoughts and feelings but also to become an art. People have used a lot of rhetorical devices from generation to generation to manipulate the language to effectively transmit their messages to the listeners or readers. One of the most interesting but often neglected devices is hyperbole. This phenomenon occurs in a wide range of genres such as love poetry, sagas, tall tales, classical mythology, etc. and especially in everyday language. This paper aims at discussing English and Vietnamese hyperbole in a contrastive view to provide implications that are helpful for teaching and learning languages. The results show that hyperbole is widely used in both languages to create special effects for speech. Hyperbole in English and Vietnamese has similarities in the way it is formed, the level of use, and the purpose of use. The biggest difference between hyperbole in the two languages lies in the images used and especially the application of hyperbole in Vietnamese folk songs, a genre of folk literature not found in English.

Keywords: hyperbole, language, contrastive analysis, English, Vietnamese

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thủ pháp cường điệu, một trong những biện pháp tu từ phổ biến, đóng một vai trò quan trọng trong ngôn ngữ hàng ngày. Đây là một công cụ đắc lực để làm cho lời nói trở nên ấn tượng hơn và thu hút sự chú ý của người nghe/người đọc một cách hiệu quả hơn. Galperin coi cường điệu là sự nói quá hoặc phóng đại có chủ ý về một đặc điểm của một đối tượng hoặc hiện tượng nào đó và đôi khi sự cường điệu này được nâng lên đến một mức độ phi logic [1]. Thủ pháp cường điệu là một trong những biện pháp tu từ được sử dụng rộng rãi trong văn học và trong đời sống hàng ngày. Tuy nhiên, để nắm

*Tác giả liên hệ: ThS. Phạm Thị Khải Hoàn, Email: hoan.ptk@hiu.vn

(Ngày nhận bài: 20/03/2024; Ngày nhận bản sửa: 15/04/2024; Ngày duyệt đăng: 24/04/2024)

bắt được ý nghĩa trong cách diễn đạt hay hiểu biết tường tận về cường điệu là điều không hề dễ dàng đối với người Việt học tiếng Anh cũng như người nước ngoài học ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. Do đó, bài viết này nhằm mục đích làm rõ khái niệm thủ pháp cường điệu, đưa ra các ví dụ về cường điệu được sử dụng trong văn học và trong lời nói thường ngày trong tiếng Anh và tiếng Việt, đồng thời so sánh đối chiếu điểm tương đồng và khác biệt về hiện tượng này giữa hai ngôn ngữ.

2. TỔNG QUAN VỀ THỦ PHÁP CƯỜNG ĐIỀU

2.1. ĐỊNH NGHĨA

Cường điệu nghĩa là việc phóng đại để nhấn mạnh vào những gì được nói hoặc viết. Trong tiếng Anh, thủ pháp cường điệu được gọi là “hyperbole”. “Hyperbole” xuất phát từ tiếng Hy Lạp “huperbole”, trong đó “huper” có nghĩa là “ở trên” và “bole” có nghĩa là “ném”. Có ba thuật ngữ trong tiếng Anh có ý nghĩa tương tự nhau liên quan đến hiện tượng này là hyperbole (thủ pháp cường điệu), overstatement (nói quá) và exaggeration (nói phóng đại). Theo Claridge, cường điệu (hyperbole) là thuật ngữ truyền thống có nguồn gốc từ thuật hùng biện cổ điển và do đó gắn liền với lời nói trang trọng và những bài diễn thuyết, phong cách học và văn học; trong khi đó, nói quá (overstatement) và phóng đại (exaggeration) là những thuật ngữ hàng ngày không liên quan đến bất kỳ lĩnh vực hoặc mục đích sử dụng chuyên biệt nào [2]. Carter và McCarthy giải thích rằng thủ pháp cường điệu phóng đại và nâng cao thực tế và tạo ra sự tương phản với thực tế [3]. Gibbs phân biệt giữa thủ pháp cường điệu (hyperbole) với nói quá (overstatement), trong đó thủ pháp cường điệu được định nghĩa là phóng đại có chủ ý và nói quá là một quá trình không chủ ý và mang tính tiềm thức [4]. Norrick cũng phân biệt giữa cường điệu (hyperbole), nói quá (overstatement) và hình thành yếu tố cực độ (extreme case formulation), trong đó cường điệu có xu hướng hướng đến các biểu thức ẩn dụ và tương tượng [5]. Khái niệm hình thành yếu tố cực độ là các ngữ sử dụng các thuật ngữ cực độ như *thư ụng các thuật ngữ cực u hướng hướng đến các biểu thức ẩn*, ... để mô tả hoặc đánh giá [6]. Ví dụ, để mô tả một người lạnh lùng về mặt cảm xúc, chúng ta có thể sử dụng cách diễn đạt cường điệu (hyperbole) là *‘the iceberg of a woman’* (tảng băng trôi của phụ nữ), cách nói quá (overstatement) là *‘extremely cold’* (cực kỳ lạnh lùng) và cách diễn đạt yếu tố cực độ (extreme case formulation) là *‘absolutely unfeeling’* (hoàn toàn vô cảm). Tuy nhiên, không có ranh giới phân chia rõ ràng giữa các loại này nên chúng ta có thể sử dụng khái niệm nói quá (overstatement) và nói phóng đại (exaggeration) như những từ đồng nghĩa của thủ pháp cường điệu (hyperbole).

Đinh Trọng Lạc định nghĩa thủ pháp cường điệu (còn gọi là: khoa trương, nói quá, phóng đại) là việc dùng từ hoặc ngữ để nhân tính chất của một sự vật, hiện tượng lên nhằm làm nổi bật tính chất của đối tượng được nhắc đến và gây ấn tượng mạnh đối với người đọc, người nghe. Cường điệu khác với lời nói dối ở chỗ bản chất, động cơ và mục đích của nó không thổi phồng hay bóp méo sự thật để đánh lừa người đọc hoặc người nghe. Nó không làm cho người đó tin vào những gì người nói đó mà làm cho người đó hiểu những gì được nói [7]. Roberts & Kreuz đã đưa ra bốn lý do phổ biến nhất cho việc sử dụng thủ pháp cường điệu là để nhấn mạnh, để làm rõ, để tạo ra sự hài hước, hoặc để tăng thêm sự thú vị cho lời nói [8]. Chẳng hạn, câu nói *‘I have told you a million times not to exaggerate’* (Tôi đã nói với bạn hàng triệu lần là đừng phóng đại.) là một sự cường điệu. Nó có nghĩa là người nói đã lặp lại lời khuyên/cảnh báo của mình nhiều lần, nhưng khó có ai thực sự đếm được số lần họ đã nói điều gì đó. Mục đích thực sự của người nói là anh ta cảm thấy khó chịu vì người kia không làm theo lời khuyên của mình mặc dù nó được nói đi nói lại nhiều lần. Hay khi nghe câu *‘It was so cold, I saw polar bears wearing jackets.’* (Trời lạnh (đến nỗi) tôi thấy gấu Bắc Cực (cũng phải) mặc áo khoác.), bạn có tin rằng thực sự có gấu Bắc Cực mặc áo khoác không? Dĩ nhiên là không. Đó chỉ là một cách để nhấn mạnh nhiệt độ cực thấp ở Bắc Cực. Người nói đã miêu tả một cách sinh động và thú vị, gây ấn tượng mạnh cho người nghe.

2.2. CÁCH SỬ DỤNG VÀ VÍ DỤ

2.2.1. Trong đời sống hàng ngày

Thủ pháp cường điệu được sử dụng rộng rãi trong lời nói hàng ngày. Là một công cụ giao tiếp, cường

điều có thể được sử dụng để nhấn mạnh, thu hút sự chú ý hoặc nhấn mạnh sự tương phản. Chúng ta có thể làm cho một câu chuyện nhàm chán trở nên sống động hoặc trở nên hài hước bằng cách sử dụng phép cường điệu.

Hãy tưởng tượng bạn muốn miêu tả một cô gái rất ngốc nghếch và buồn tẻ, bạn sẽ nói gì? Cách nói bình thường sẽ là “Cô gái đó thật ngu ngốc”. Cách nói đó diễn đạt hoàn toàn đúng ý nghĩa người nói muốn truyền tải nhưng đó là cách diễn đạt quá trực tiếp và không gây ấn tượng. Để làm cho câu nói thú vị hơn, cách diễn đạt cường điệu có thể được sử dụng: *‘Her brain is the size of a pea.’* (Bộ não của cô ấy có kích thước bằng hạt đậu.) Ý nghĩa thông thường của câu này là người nói so sánh kích thước bộ não của cô gái với kích thước của hạt đậu. Nhưng hàm ý của nó là cô gái thực sự ngu ngốc. Bằng cách sử dụng cường điệu, câu trở nên gián tiếp, sống động và có phần hài hước. Trong tiếng Việt cũng có những thành ngữ tương tự dùng phép so sánh để miêu tả kẻ ngốc: *‘đầu to mà óc như trái nho’, ‘óc bả đậu’, v.v...*

Một thủ pháp cường điệu khác thường được sử dụng khác là khái niệm ‘chết’ (die, dead, death). Claridge cho rằng khái niệm ‘chết’ chỉ ra “điểm cực đoan nhất trong trải nghiệm của con người và đó là những thuật ngữ rất có sức thuyết phục” [2]. ‘Die’ xuất hiện thường xuyên trong rất nhiều câu nói hằng ngày để diễn tả chặng đường mà một người sẽ đi tới, sự hy sinh mà một người sẵn sàng thực hiện để đạt được điều gì đó, hoặc không phải làm điều gì đó. Ví dụ: *‘I have died everyday waiting for you.’* (Em đã chết mỗi ngày để chờ đợi anh.); *‘I will die if she asks me to sing in front of everyone.’* (Tôi sẽ chết nếu cô ấy yêu cầu tôi hát trước mặt mọi người.); *‘If I can’t buy that new game, I will die.’* (Nếu không mua được trò chơi mới đó, tôi sẽ chết.) ‘Dead’ có thể hoạt động như các trạng từ mang nghĩa ‘hoàn toàn’ hoặc ‘rất’. Ví dụ: *‘I’m dead tired.’* (Tôi mệt chết đi được/ Tôi rất mệt.); *‘The conductor waited for dead silence before commencing the performance.’* (Người nhạc trưởng chờ sự im lặng chết người (hoàn toàn im lặng) trước khi bắt đầu buổi biểu diễn.) Chúng ta cũng có nhiều cách diễn đạt tiếng Việt sử dụng từ cường điệu này: *mệt/ buồn/ vui/ khổ/ sướng/ tức/... muốn chết, sự im lặng chết người, biết/hiểu/ ... chết liền, v.v...*

2.2.2. Trong văn học

Cường điệu là một thủ pháp văn học thường được sử dụng trong văn học để tạo điểm nhấn, nêu quan điểm, tạo ra một hình ảnh sống động hoặc sự hài hước. Cường điệu được sử dụng trong cả văn xuôi hoặc thơ ca.

Trong “The Odyssey”, Homer sử dụng phép cường điệu để mô tả kích thước của Polyphemus, lớn đến mức anh ta có thể dễ dàng nghiền nát một con tàu bằng tay không. Trong “The Great Gatsby”, F. Scott Fitzgerald sử dụng lối cường điệu để mô tả những bữa tiệc do Jay Gatsby tổ chức quá xa hoa đến mức có hàng trăm người tham dự và kéo dài nhiều ngày. Trong “Chí Phèo”, Nam Cao đã viết *‘Tiếng đấm đá nhau bình bịch. Thôi, cứ gọi là tan xương.’* để diễn tả mức độ kinh khủng của trận đánh nhau. Trong tác phẩm “Nửa đêm”, Nam Cao viết *‘Còn bọn đàn anh hay bói móc thì lại sợ, sợ thằng Chánh hội cũng như sợ Thiên Lô; hai sức phá hoại ấy chập vào nhau thì phải đổ đình đổ chùa đừng có nói gì đến đổ nhà đổ cửa.’* Có thể thấy cường điệu là một công cụ mạnh mẽ có thể được sử dụng để tạo ra tác phẩm văn học đáng nhớ và có sức ảnh hưởng.

Ngoài việc được sử dụng trong văn xuôi, cường điệu còn được khai thác trong thơ ca. Các nhà thơ sử dụng phép cường điệu để nhấn mạnh vào một điểm nào đó mà họ muốn người đọc tập trung vào. Một ví dụ nổi tiếng về cường điệu được sử dụng trong thơ là bài thơ “As I Walked Out One Evening” sáng tác bởi W. H. Auden:

*“...I’ll love you, dear, I’ll love you till China and Africa meet,/And the river jumps over the mountain/
And the salmon sing in the street,/ I’ll love you till the ocean/ Is folded and hung up to dry/ And the
seven stars go squawking/ Like geese about the sky...”*

Lược dịch:

“Tôi sẽ yêu em, người yêu đầu, tôi sẽ yêu em cho đến khi Trung Quốc gặp Châu Phi,/Và sông nhảy lên núi/Và cá hồi hát trên đường phố,/Tôi sẽ yêu em cho đến khi đại dương/Được gấp lại và phơi cho khô/Và bảy vì sao kêu quang quác/Như những chú ngỗng trên bầu trời ...”

Một ví dụ khác là trích đoạn trong bài thơ “Afternoon on a Hill” viết bởi Edna St. Vincent Millay.

“I will be the gladdest thing/ Under the sun!/I will touch a hundred flowers/ And not pick one...”

Lược dịch:

“Tôi sẽ là thứ vui vẻ nhất/ Dưới mặt trời!/ Tôi sẽ chạm hàng trăm bông hoa/ Và không hái bông nào cả...”

Thơ ca tiếng Việt cũng sử dụng nhiều thủ pháp cường điệu, tiêu biểu là trong tác phẩm “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.

“... Vân xem trang trọng khác vời,/Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang./ Hoa cười ngọc thốt đoan trang,/ Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da./Kiều càng sắc sảo mặn mà,/So bề tài sắc lại là phần hơn./ Làn thu thủy nét xuân sơn,/Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh./Một hai nghiêng nước nghiêng thành,/ Sắc đành đòi một tài đành họa hai...”

Hoặc trong bài thơ “Bài ca vỡ đất” của Hoàng Trung Thông:

“Bàn tay ta làm nên tất cả/Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.”

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết sử dụng phương pháp so sánh-đối chiếu trong ngôn ngữ học, qua đó nghiên cứu thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt nhằm làm sáng tỏ những nét tương đồng và dị biệt về biện pháp tu từ này giữa hai thứ tiếng. Thủ pháp cường điệu được phân tích về các phương thức cấu thành, các cấp độ xuất hiện (cấp độ từ, cụm từ, mệnh đề), cách sử dụng và các đặc trưng khác. Từ những kết quả nghiên cứu về thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt, tác giả tiến hành so sánh đối chiếu nhằm chỉ ra điểm giống nhau, khác nhau và đưa ra một số ý kiến về việc ứng dụng kết quả nghiên cứu vào việc giảng dạy ngôn ngữ.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Cách cấu thành thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh

Khái quát hóa quá mức:

Khái quát hóa quá mức hoặc mô tả phổ quát là việc sử dụng một số đại từ nhân xưng không cụ thể, ví dụ như ‘everything’ (mọi thứ), ‘everyone/ everybody’ (mọi người), ‘no one/ nobody’ (không ai); định lượng phổ quát như ‘all’ (tất cả) hoặc ‘every’ (mọi); những trạng từ như ‘always’ (luôn luôn), ‘never’ không bao giờ, ‘ever’ (chưa bao giờ). Những từ này được sử dụng để chỉ một nhóm lớn người, hoặc một tỷ lệ khá lớn của một nhóm nhất định, không có ngoại lệ. Một số ví dụ như ‘No one ever wants to talk about Algeria.’ (Không ai muốn nhắc đến Algeria cả.); ‘She’s allergic to everything.’ (Cô ấy dị ứng với mọi thứ.); ‘We are never ever getting back together.’ (Chúng ta sẽ không bao giờ quay lại với nhau được đâu.); ‘You are always complaining!’ (Anh lúc nào cũng phàn nàn hết!)

Phóng đại về số lượng:

Các từ/ ngữ như ‘hundreds’ (hàng trăm), ‘millions’ (hàng triệu), ‘billions’ (hàng tỷ), ‘a hundred’ (một trăm), ‘a million’ (một triệu), ‘a billion’ (một tỷ) được sử dụng để diễn tả một cách ấn tượng số lượng, độ dài hoặc kích thước của một thứ gì đó. Ví dụ: ‘You’ve probably had hundreds, thousands, of those error messages.’ (Anh hẳn phải có hàng trăm, hàng ngàn tin nhắn lỗi như vậy nhỉ. – ý chỉ số lượng rất nhiều); ‘He’s 900 years old.’ (Ông ta phải 900 tuổi rồi. – ý chỉ ông ta rất già.); ‘I have since discovered that his heart is twice the size of his body.’ (Từ đó tôi khám phá ra rằng trái tim anh ấy lớn gấp đôi cơ thể anh ấy. – Anh ấy có tấm lòng vô cùng rộng lượng).

Phóng đại đến mức cực độ:

Loại cường điệu này phổ biến cả trong văn nói và văn viết. Những từ cực độ để chỉ thời gian có thể kể đến ‘forever’ (mãi mãi), ‘endless’ (bất tận), ‘ages’ (hàng thế kỷ), ‘years’ (hàng nhiều năm), v.v... Ví dụ ‘Why are you so late? I have been waiting for you for ages.’ (Sao em đến trễ vậy? Anh đã đợi em hàng thế kỷ rồi.); ‘We’d better walk a bit quicker - it’s going to take forever if we go at this pace.’

(Tốt nhất chúng ta nên đi nhanh hơn đi – nếu đi với tốc độ này chắc sẽ mãi mãi không đến quá.); *'We used to have endless arguments about politics.'* (Chúng tôi từng có những tranh luận bất tận về chính trị).

Ngoài những từ chỉ thời gian thì chúng ta còn bắt gặp loại cường điệu này trong những trường hợp khác như: *'I'm starving.'* (Tôi chết đói mất.); *His teeth were blinding white.* (Răng anh ta trắng loá mắt.); *I'll go insane if I don't get to the meeting on time.* (Tôi sẽ phát điên nếu tôi không đến cuộc họp đó đúng giờ).

So sánh bằng/ So sánh hơn:

So sánh cũng thường xuyên được sử dụng để truyền đạt sự cường điệu. So sánh giúp chúng ta kết nối giữa sự không thể và có thể. So sánh cường điệu trong tiếng Anh có thể được tìm thấy trong một số ví dụ sau đây: *'He is as skinny as a toothpick.'* (Anh ta ốm như cây tăm.); *This car goes faster than the speed of light.* (Chiếc xe này chạy nhanh hơn tốc độ ánh sáng).

So sánh nhất:

Không phải tất cả các dạng so sánh nhất đều là cường điệu. Ví dụ "She is the most beautiful of the three girls." (Cô ấy là người đẹp nhất trong ba cô gái.) Chúng ta có thể thấy rõ ràng đây là một trường hợp so sánh nhất bình thường, không có gì phóng đại. Vì vậy, so sánh nhất ở đây không phải là một thủ pháp cường điệu. Để trở thành thủ pháp cường điệu, so sánh nhất phải được sử dụng để tạo ra những điểm cực trị. Ví dụ: *'This is the weirdest day I've ever seen in my entire life.'* (Đây là ngày kì lạ nhất mà tôi đã từng gặp trong cuộc đời mình.); *He is the world's worst speaker.'* (Anh ta là người nói năng tệ nhất trên thế giới.); *'They were the ugliest set of shoes I ever saw in my life.'* (Đây là những đôi giày xấu nhất tôi từng thấy trong đời).

Điệp ngữ (Lặp từ):

Việc dùng điệp ngữ với mục đích cường điệu là một hiện tượng ngôn ngữ nói. Đây là hình thức đơn giản nhất để nói 'thêm X' bằng cách lặp lại cùng một X nhiều lần [2]. Ví dụ: *'But he's just really really really strange.'* (Nhưng anh ta thật sự thật sự thật sự kì lạ.); *'It happens over and over and over again.'* (Nó cứ xảy ra hoài hoài.); *The house has been there for ages and ages and ages.* (Ngôi nhà đã nằm ở đó rất rất lâu rồi).

Cấu trúc thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh:

Thủ pháp cường điệu được sử dụng ở nhiều cấp độ khác nhau trong tiếng Anh, từ cấp độ từ, cấp độ cụm từ cho đến cấp độ mệnh đề. Cường điệu cấp độ từ có thể được tìm thấy trong các ví dụ như *'He will do everything to win her heart.'* (Anh ta sẽ làm mọi thứ để có được trái tim cô ấy.); *'He's got a truckload of money.'* (Anh ta có cả một xe tải tiền.); *'I will never say "never".'* (Tôi sẽ không bao giờ nói "không bao giờ"). Cường điệu cấp độ cụm từ được ứng dụng trong các cụm động từ như *'swim in tears'* (bơi trong nước mắt), *'can't lift your foot up'* (không thể nhấc chân lên), cụm danh từ như *'the end of the world'* (ngày tận thế), *'the whole world'* (cả thế giới), *'the holiday of a lifetime'* (chuyến du lịch của cả cuộc đời) hoặc cụm tính từ như *'mad with love'* (yêu đến điên dại), *completely empty'* (hoàn toàn trống rỗng). Ở cấp độ mệnh đề, cường điệu cũng được sử dụng để tạo ấn tượng mạnh cho lời nói, ví dụ như *'That joke is so old, the last time I heard it I was riding on a dinosaur.'* (Câu chuyện cười này cũ quá rồi, lần cuối cùng tôi nghe nó là tôi còn đang cưỡi khủng long).

4.2. Cách cấu thành thủ pháp cường điệu trong tiếng Việt

Khái quát hóa quá mức:

Giống như tiếng Anh, tiếng Việt có nhiều cách diễn đạt khái quát hóa quá mức tạo ra thủ pháp cường điệu. Một số ví dụ về khái quát hoá quá mức trong tiếng Việt có thể thấy trong các ví dụ như *'Không một ai thích cô ta.'* (No one likes her.); *'Cô ta sẽ làm mọi thứ để kiếm được nhiều tiền hơn.'* (She will do everything to earn more money.); *'Tôi sẽ không bao giờ lặp lại chuyện đó nữa.'* (I will never do that again).

Dùng những từ mang ý nghĩa cường điệu:

Những từ này có thể thay thế các từ chỉ mức độ (*rất, lắm, quá*) và kết hợp với các yếu tố khác để tạo ấn tượng riêng biệt. Có rất nhiều từ/ ngữ trong tiếng Việt mang ý nghĩa cường điệu như *cực điểm, cực độ; vô kể, vô cùng; thấu trời, quá trời, quá xá; hết sức, hết cỡ, hết thấy; ...* Các từ/ ngữ này có thể được sử dụng một cách linh hoạt trong lời nói, ví dụ ‘*nỗi đau đớn dâng lên đến cực độ*’, ‘*sung sướng cực độ*’, ‘*nhiều vô kể*’, ‘*vô cùng thương tiếc*’, ‘*đau thấu trời*’, ‘*vui quá trời*’, ‘*hết sức chịu đựng*’, ‘*hết thấy mọi người*’.

Phóng đại số lượng:

Phóng đại số lượng nghĩa là sử dụng sự so sánh về số lượng để thể hiện tầm quan trọng của một điều gì đó. Những con số này không được coi là số thực. Ví dụ ‘*Anh ta ăn bằng năm lần người khác.*’; ‘*Tôi đã bỏ công sức ra gấp mười lần cô ta.*’; ‘*Anh sẽ yêu em nhiều hơn gấp trăm/ gấp vạn lần.*’; ‘*Tôi phải có ba đầu sáu tay thì mới hoàn thành được việc này trong một ngày.*’

Phóng đại đến mức cực độ

Tương tự như tiếng Anh, tiếng Việt cũng có rất nhiều từ và cách diễn đạt mang tính “cực độ”. Ví dụ ‘*mệt muốn chết*’ (*dead tired*), ‘*tiếc đứt ruột*’ (*to regret extremely*), ‘*giận sôi máu*’ (*make sb’s blood boil – extremely angry*), ‘*tức lộn ruột*’ (*extremely angry*), ‘*trắng lóa mắt*’ (*blinding white*), ‘*nắng đỏ lửa*’ (*blazing sun*), v.v...

So sánh bằng:

So sánh để tạo nên thủ pháp cường điệu được sử dụng rất thường xuyên trong văn nói tiếng Việt. Thông qua phương pháp này, chúng ta có thể hình thành trong đầu một bức tranh để đối tượng hoặc sự kiện được mô tả một cách sống động và ấn tượng. Một số ví dụ về so sánh cường điệu trong tiếng Việt có thể kể đến như ‘*xấu như ma*’ (*very ugly – like a ghost*), ‘*đẹp như tiên*’ (*very beautiful – like a fairy*), ‘*hiền như đất*’ (*very gentle – like soil*), ‘*nhanh như máy/ gió*’ (*very fast – like a machine/ wind*), ‘*ăn như mô knockout*’ (*used to describe a person who eats a lot*), v.v...

So sánh nhất:

Giống như vai trò của so sánh nhất trong tiếng Anh, tiếng Việt cũng có những ngữ so sánh nhất mang ý cường điệu. Ví dụ ‘*xấu nhất quả đất*’ (*the ugliest on Earth*), ‘*yêu nhất trên đời*’ (*love the most in this world*), ‘*hay nhất mọi thời đại*’ (*the best of all time*).

Thủ pháp cường điệu trong ca dao, tục ngữ và thành ngữ của người Việt:

Hình thức cường điệu đặc biệt nhất của tiếng Việt là thủ pháp cường điệu trong thành ngữ và ca dao tục ngữ. Thủ pháp cường điệu là một lối nói rất đặc sắc trong ca dao, tục ngữ và thành ngữ của người Việt. Người Việt rất thích lối nói cường điệu, điều này được thể hiện rõ qua kho tàng ca dao tiếng Việt. Người Việt Nam có xu hướng sử dụng ngôn ngữ tượng hình rất thường xuyên trong lời nói, điều này giúp thông điệp của họ trở nên nổi bật và hài hước.

‘*Nghèo rớt mồng tơi*’ (*extremely poor*)

‘*Sợ hết hồn hết vía*’ (*to fear something very much*)

‘*Dồi non lấp biển*’ (*to be able to do something which is very difficult due to strong determination and great effort*)

‘*Vắt cổ chà ra nước*’ (*used to describe somebody who is very mean with money*)

‘*Chim khôn, khôn cả từ lông/ Khôn cả tận lông, người bán cũng khôn/Rượu ngon cái cặn cũng ngon/ Thương em chẳng luận chồng con mấy đời.*’

Khoa trương trong ca dao của người Việt thường sử dụng hình thức khoa trương phóng to, khoa trương thu nhỏ và khoa trương thời gian [9].

Khoa trương phóng to là thủ pháp cường điệu khiến cho sự vật, hiện tượng trở nên to lớn, mạnh hơn, nhiều hơn.

‘*Cái trứng rận to bằng quả nhãn lông*

Miệng cười tùm tùm bằng sông Ngân hà

Con rận bằng con ba ba

Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh.

Ngược lại, khoa trương thu nhỏ khiến cho sự vật, hiện tượng nhỏ đi, yếu hơn, ít hơn.

‘Làm trai cho đáng nên trai

Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng’.

Khoa trương thời gian là thủ pháp cường điệu nhân mạnh tốc độ xảy ra của sự vật, hiện tượng.

‘Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm

Rượu hồng đào chưa nhắm đã say’.

Cấu trúc thủ pháp cường điệu trong tiếng Việt:

Thủ pháp cường điệu trong tiếng Việt xuất hiện ở các cấp độ từ, cụm từ và mệnh đề tương tự như trong tiếng Anh. Về cấp độ từ, có thể kể đến các ví dụ như ‘*tan xương*’, ‘*quá trời*’, ‘*sôi máu*’, ‘*chết*’, ‘*vô kể*’. Cấp độ cụm từ bao gồm cụm động từ như ‘*thét ra lửa*’, ‘*ngĩ nát óc*’; cụm danh từ như ‘*đầu tổ quạ*’, ‘*răng cái mã*’ và cụm tính từ như ‘*dữ như cọp*’, ‘*hiền như đất*’. Ở mức độ mệnh đề, có thể xem các ví dụ như ‘*da đen như cột nhà cháy*’, ‘*đầu bù xù như tổ quạ*’, ‘*da trắng như tuyết*’.

4.3. So sánh đôi chiều thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt

4.3.1. Sự tương đồng

Nhìn chung, thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt được hình thành theo một số cách tương tự nhau. Cả hai ngôn ngữ sử dụng cách diễn đạt khái quát hóa quá mức, phóng đại về số lượng, cường điệu ở mức cực độ, so sánh bằng và so sánh nhất để tăng thêm hiệu ứng cho lời nói. Có một số trường hợp thủ pháp cường điệu là hai phiên bản tương đương hoàn toàn về cách dùng từ trong tiếng Anh và tiếng Việt. Ví dụ:

- *The children always seem to be hungry.* = *Mấy đứa con nít này hình như lúc nào cũng đói.*
- *Never in all my life have I seen such a horrible thing.* = *Chưa bao giờ trong đời tôi thấy thứ gì khủng khiếp như vậy.*
- *Why are you so late? I have been waiting for you for centuries.* = *Sao trễ vậy? Anh chờ em mấy thế kỉ rồi.*

Điểm giống nhau thứ hai là thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt xảy ra ở hầu hết các loại cấu trúc, từ cấp độ từ, cụm từ cho đến mệnh đề. Dựa trên ngữ cảnh từ vựng và tình huống, chúng ta chọn cấu trúc cường điệu thích hợp để diễn đạt chính xác ý mình muốn nói.

Cuối cùng, mục đích sử dụng cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt là như nhau. Thủ pháp cường điệu được khai thác trong cả lời nói hàng ngày và văn học để nhấn mạnh và thêm tính hài hước vào thông điệp của người nói hay người viết. Đề nhận thức rõ hơn vai trò của cường điệu, chúng ta hãy xem xét ví dụ sau. Đối với cách nói bình thường: ‘*It’s very cold in here*’ – ‘*Trời lạnh quá!*’ chúng ta vẫn chưa cảm nhận được trời đang lạnh ở mức độ nào. Tuy nhiên nếu chúng ta dùng thủ pháp cường điệu bằng cách nói ‘*It’s freezing in here.*’ – ‘*Trời lạnh thấu xương.*’ thì chắc chắn người nghe hoặc người đọc sẽ tưởng tượng được mức độ lạnh. Cái lạnh cũng được cường điệu hoá trong văn học qua hai ví dụ sau đây từ một tác phẩm tiếng Anh và tiếng Việt.

“Well now, one winter it was so cold that all the geese flew backward and all the fish moved south and even the snow turned blue. Late at night, it got so frigid that all spoken words froze solid afore they could be heard. People had to wait until sunup to find out what folks were talking about the night before.” (“Babe the Blue Ox” - Paul Bunyan).

Tạm dịch: “Ồ, vào một mùa đông nọ, trời lạnh đến nỗi tất cả đàn ngỗng đều bay lùi, tất cả đàn cá đều di chuyển về phương Nam và thậm chí tuyết cũng chuyển sang màu xanh. Đêm khuya, trời trở lạnh đến nỗi mọi lời nói đều đông cứng trước khi có thể nghe được. Mọi người phải đợi đến khi mặt trời mọc để tìm hiểu xem mọi người đã nói gì vào đêm hôm trước”.

“Thích cái lành lạnh đến thấu xương, đến tím tái cả mặt mày. Thích cái thô thô rập rập, mông mốc của chân tay. Thích cái cảm giác lạnh buốt đến xì khói. Thích cái không khí thoáng thoáng, nhẹ nhẹ không mùi không vị. Thích cái cảm giác rét mướt lượn xe thông rong qua các con phố mua sắm đông đúc, lướt qua những hàng cây khăng khiu trụ lá đang run lên vì rét”. (“Chạm tay vào cái lạnh mùa đông” – Bình Điềm).

4.3.2. Sự khác biệt

Có hai điểm khác biệt chính giữa thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt. Đầu tiên là hình ảnh được sử dụng, đặc biệt là các hình ảnh so sánh. Điều kiện tự nhiên và xã hội khác nhau dẫn đến sự khác biệt về bản sắc và văn hóa dân tộc. Vì vậy người dân ở mỗi quốc gia có xu hướng sử dụng ngôn ngữ hình ảnh riêng biệt của mình. Việt Nam là nước nông nghiệp nên nhiều cách diễn đạt cường điệu đều liên quan đến kinh nghiệm trồng trọt, thời tiết và thiên nhiên. Đây là nét độc đáo chỉ có trong lối nói cường điệu của người Việt. Một số ví dụ tiêu biểu như: ‘*Cô kia tát nước bên đàng/ Sao cô hắt ánh trắng vàng đổ đi?*’; ‘*Anh về chẻ lạt bó tro,/ Rán sành ra mỡ em cho làm chông.*’; ‘*Bán mặt cho đất, bán lưng cho trời*’. Trường hợp đáng chú ý nhất của các hình ảnh khác nhau được sử dụng là so sánh cường điệu hoá. Cùng nói về một khía cạnh hay chiều hướng nhưng người nói tiếng Anh và người Việt lại lựa chọn những biểu tượng hoàn toàn khác nhau để truyền tải thông điệp của mình. Khi so sánh cường điệu về kích thước, người dùng tiếng Anh có thể nói ‘*A liver of the size of New Hampshire*’ (Lá gan to bằng New Hampshire.), tuy nhiên người Việt lại dùng hình ảnh ‘*gan to hơn trời*.’ Khi so sánh cường điệu về ngoại hình, người nói tiếng Anh có thể nói ‘*as ugly as a toad*’ (xấu như cóc) hay ‘*as pretty as a picture*’ (đẹp như tranh), người Việt lại hay nói ‘*xấu như ma/ quỷ*’ hay ‘*đẹp như tiên*’. Khi nói về tốc độ, tiếng Anh thường có những ngữ so sánh như ‘*as slow as/ slower than molasses in January*’ (chậm như nhựa đường tháng một), người Việt thì lại hay nói là ‘*chậm như rùa/ sên*’.

Điểm khác biệt thứ hai giữa thủ pháp cường điệu tiếng Anh và tiếng Việt là cường điệu trong ca dao, một loại hình văn học dân gian đặc trưng của người Việt. Ca dao được sử dụng rộng rãi trong giao tiếp và trong nhiều tác phẩm văn học. Trong văn hóa truyền thống của người Việt Nam, ca dao có vai trò quan trọng trong sản xuất và cuộc sống hàng ngày. Nó được coi là "món ăn tinh thần", giúp mọi người giải tỏa căng thẳng và mệt mỏi sau những giây phút làm việc vất vả, cực nhọc. Đó là một nghệ thuật góp phần tạo nên vẻ đẹp của tiếng Việt. Phép cường điệu được sử dụng rộng rãi và khéo léo trong ca dao nhằm tạo sự hài hước và nhân mạnh. Dưới đây là một số ví dụ điển hình:

- *Cô gái Sơn Tây yếm thừng tày dần,/ Răng đen hạt nhót, chân đi cù nèo/ Tóc rẽ tre cô chải lược bồ cào/Xù xì da cóc, hắc lão tí tung/ Trên đầu chấy rụng như sung/ Rón lòi quả quýt, má hồng chôn niêu*

...

Chân đi yếu điệu hình dung ai tày/Hai cổ tay cô bằng hai cái bắp cây,/ Thân hình nhỏ nhắn coi tày voi nan,/ Nước da cô trắng tựa hòn than,/ Nằm đâu ngủ đấy lại toan chẻ chông/Cái trứng rận to bằng quả nhãn lông/Miệng cười tùm tùm bằng sông Ngân hà/ Con rận bằng con ba ba/ Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh...

- *Tiếng đồn cha mẹ anh hiền,/ Cẩn cơm không vỡ, cẩn tiền vỡ đôi.*

- *Anh về đếm hết sao trời. Em đây kết tóc ở đời với anh*

- *Thất tình nước mắt như mưa,/ Thấu trời, thấu đất nhưng chưa thấu lòng.*

4.4. Ứng dụng trong giảng dạy

Bằng việc nghiên cứu đối chiếu thủ pháp cường điệu trong hai ngôn ngữ, tác giả nhận ra một số khó khăn mà người học có thể gặp phải khi gặp và sử dụng biện pháp tu từ này, đặc biệt khi học sinh Việt Nam học về thủ pháp cường điệu tiếng Anh.

Trước hết, người học dễ bị nhầm lẫn giữa cường điệu với khoe khoang hoặc nói dối. Nguyên nhân là do thủ pháp cường điệu là sự phóng đại sự thật. Vì vậy, người học có thể hiểu lầm rằng mọi điều không đúng sự thật đều là cường điệu. Với tư cách là giáo viên, chúng ta phải nhắc nhở học sinh về mục đích của việc sử dụng cường điệu, đó là nhằm nhân mạnh, tạo ấn tượng và thêm sự hài hước vào thông điệp của chúng ta. Chúng hoàn toàn khác với mục đích khoe khoang hay nói dối nhằm lừa gạt người khác, khiến họ tin vào những điều dối trá.

Thứ hai, chúng ta nên hướng dẫn học sinh cách đọc hiệu quả, tức là hiểu những gì không được nói ra trực tiếp hoặc vượt ra ngoài nghĩa đen của văn bản. Khi đọc, điều quan trọng là học sinh phải nhớ rằng những gì mắt nhìn thấy có thể không phải là điều tác giả muốn nói. Học sinh phải suy nghĩ, sử

dụng cả ngữ cảnh từ vựng và ngữ cảnh, đồng thời áp dụng kiến thức văn hóa của mình vào việc diễn giải văn bản. Cách người ta phóng đại trong tiếng Anh không giống như trong tiếng Việt nên học sinh cần hết sức cẩn thận để nhận được thông điệp chính xác.

Cuối cùng, giáo viên phải hướng dẫn cho học sinh cách sử dụng phép tu từ (bao gồm cả cường điệu) để cải thiện kỹ năng nói và viết của các em. Sử dụng ngôn ngữ tượng hình giúp văn bản viết trở nên sống động và học cách sử dụng chúng là bước quan trọng nhất để phát triển phong cách viết chín chắn và phong phú. Do không phải người bản ngữ, người học tiếng Việt thường gặp khó khăn để nói hay viết được tiếng Anh tự nhiên và sử dụng các biện pháp tu từ linh hoạt. Vì vậy, người học cần được cung cấp kiến thức sâu rộng về các biện pháp tu từ trong tiếng Anh và hướng dẫn cách áp dụng kiến thức đó vào bài nói hoặc bài viết của mình để tạo nên lời nói hoặc bài viết mang phong cách tiếng Anh.

5. KẾT LUẬN

Biện pháp tu từ là một trong những biện pháp nghệ thuật được sử dụng phổ biến trong văn học và trong đời sống thường ngày ở cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt. Trong số các biện pháp tu từ phổ biến, có thể xem thủ pháp cường điệu là thủ pháp mang đến hiệu ứng ngôn ngữ mạnh mẽ và thú vị nhất. Việc sử dụng thủ pháp cường điệu có nhiều tác dụng như nhấn mạnh, làm rõ, tạo ra sự hài hước hoặc thú vị cho lời nói hoặc văn bản. Thủ pháp cường điệu trong tiếng Anh và tiếng Việt có nhiều sự tương đồng về cách cấu thành, như việc cùng sử dụng lối diễn đạt khái quát hoá quá mức, phóng đại về số lượng, phóng đại lên mức cực độ, sử dụng phép so sánh. Tuy nhiên, các hình ảnh/biểu tượng được sử dụng trong thủ pháp cường điệu giữa hai ngôn ngữ cũng có điểm khác biệt do sự không tương đồng về các yếu tố lịch sử, văn hoá, xã hội và tự nhiên. Đặc biệt, thủ pháp cường điệu được sử dụng rộng rãi trong ca dao, một loại hình văn học dân gian độc đáo của người Việt. Để học ngôn ngữ hiệu quả, người học cần quan tâm đến các biện pháp tu từ để có thể hiểu được hàm ý hoặc cái hay, cái thâm thúy, cái thú vị của lời nói hoặc văn bản. Do thủ pháp cường điệu được sử dụng trong nhiều thể loại lời nói và văn bản, cách sử dụng và cách hiểu các từ/ ngữ cường điệu cũng sẽ khác nhau phụ thuộc vào ngữ cảnh và văn cảnh. Do đó, cần thêm nhiều nghiên cứu so sánh đối chiếu về hiện tượng này trong các thứ tiếng khác nhau trong các loại văn bản cụ thể hoặc trong các tác phẩm cụ thể để cung cấp cho người đọc nhiều ví dụ và phân tích có hệ thống, từ đó giúp người đọc thấy được tính nghệ thuật của ngôn ngữ, đồng thời giúp ích cho quá trình dịch thuật cũng như việc dạy và học ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] I.R. Galperin, *Stylistics*. Moscow: Higher School Publishing House, 1971.
- [2] C. Claridge, *Hyperbole in English: a corpus-based study of exaggeration*. Cambridge: Cambridge University Press, 2011.
- [3] R. A. Carter and M. J. McCarthy, "There's millions of them: Hyperbole in everyday conversation," *Journal of Pragmatics*, 36, pp.149-184, 2004.
- [4] R. W. Gibbs Jr., W., *The Poetics of Mind*. Cambridge: Cambridge University Press, 1994.
- [5] N. N. Norrick, "Hyperbole, extreme case formulation", *Journal of Pragmatics*, 36, pp.1727-1739, 2004. DOI: 10.1016/j.pragma.2004.06.006
- [6] D. Edwards, "Extreme case formulations: softeners, investment, and doing nonliteral", *Research on Language and Social Interaction*, 33, 4, pp.347-373, 2000.
- [7] D. T. Lạc, *99 phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt*. NXB Giáo dục, 1995.
- [8] R. M. Roberts and R. J. Kreuz, "Why do people use figurative language"? *Psychological Science*, 5, pp.159-163, 1994.
- [9] N. N. Kiên, "Khoa trương trong ca dao của người Việt," 2017. [Trực tuyến]. Địa chỉ: <https://nguyenduyxuan.net/kho-tri-thuc/khoa-truong-trong-ca-dao-cua-nguoi-viet-nguyen-ngoc-kien-532.html>